

# VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

## QUYỂN 1

(Phần Hạ)

Biệt giáo quán vô sinh trí: Gương ví như pháp giới, mắt ví như trí quán, xanh vàng đỏ trắng lớn nhỏ dài ngắn ví như mười pháp giới. Xanh ví như nhân quả địa ngục, vàng như nhân quả ngạ quỷ, đỏ như nhân quả súc sinh, trắng như nhân quả nhân thiên. Sắc tượng nhỏ ví như nhân quả Nhị thừa, sắc tượng lớn ví như nhân quả Thông giáo Bồ-tát, sắc tượng ngắn ví như nhân quả Biệt giáo Bồ-tát, sắc tượng dài ví như nhân quả Phật, đều ở trong gương phân biệt không sai. Nếu muốn tự chánh thì khiến chín nhân quả không sinh, một nhân quả sinh. Nếu muốn chánh tha thì khiến họ chín nhân quả không sinh, một nhân quả sinh. Y pháp giới hành Bồ-tát hạnh, theo thứ tự dùng chiết Thể quán trí, đoạn Tứ trụ sinh, khiến cho không sinh. Tiếp đến, dùng Hằng sa Phật pháp đoạn dứt khách trần phiền não, khiến vô tri không sinh. Sau dùng trí tuệ thật tướng đoạn vô minh, khiến căn bản phiền não không sinh. Nếu không có Tứ trụ thì Phần đoạn không sinh. Nếu không có vô tri, thì phương tiện không sinh. Nếu không có vô minh, thì thật báo không sinh, sinh cũng bất sinh, bất sinh cũng bất sinh, cho nên gọi bất sinh. Đó gọi là Biệt giáo vô sinh trí.

Căn cứ Viên giáo quán vô sinh trí: Quán gương tròn đầy không quán mặt trái, không quán bóng trong gương, chẳng trái chẳng tối chẳng mặt chẳng sáng, không chấp các thứ hình dáng, không chấp các thứ dài ngắn, chỉ quán tròn đầy, không có bờ mé không đầu đuôi, không sáng tối, không đồng khác sai biệt. Dụ cho đối với Viên quán không chấp tướng mạo của mười pháp giới, không thiện ác không tà chánh, không lớn nhỏ... tất cả đều tiêu diệt, chỉ duyên thật tướng của các pháp, pháp tánh Phật pháp, hoặc sắc hoặc hương đều là thật tướng. Quán phiền não nghiệp sinh tức vô sinh, vô sinh bất sinh cho nên gọi vô sinh. Ấm nhập giới khổ tức là pháp thân, không phải hiển hiện cho nên gọi là pháp thân. Chướng tức là pháp thân, tham sân si tức là Bát-nhã. Chẳng năng

sáng tỏ cho nên gọi là Bát-nhã. Vô sở khả chiếu, tánh tự rõ ràng, nghiệp hành trói buộc đều gọi là giải thoát. Chẳng phải đoạn trói buộc thì mới được giải thoát, cũng không có cái thể đáng để trói buộc, cũng không có khả năng trói buộc nên gọi là giải thoát. Giải thoát tức nghiệp bất sinh, Bát-nhã tức phiền não bất sinh, pháp thân tức khổ bất sinh, Đó là ba bất sinh tức một bất sinh, một bất sinh ấy tức là ba bất sinh, chẳng phải ba chẳng phải một cho nên nói bất sinh, hướng chi biến dịch phiền não nghiệp khổ mà chẳng phải bất sinh ư! Đây là Viên giáo quán vô sinh trí.

Bổn tích: Kiều-trần-như vốn tự không sinh, chẳng phải ban đầu không sinh, muốn làm cho Sửa thành Lạc, cho nên Tích là sơ giáo bất sinh. Làm cho Lạc thành Sinh tô cho nên Tích là Thông giáo bất sinh. Làm cho Sinh tô thành Thục tô, cho nên Tích là Biệt giáo bất sinh. Làm cho Thục tô thành Đề hồ, cho nên Tích là Viên giáo bất sinh. Nhưng Bản địa kia trú nơi pháp môn chữ A (không), nghĩa là tất cả pháp ban đầu không sinh. Nếu nghe pháp môn chữ A, thì hiểu tất cả nghĩa đều chẳng sinh chẳng bất sinh. Thị hiện Tích dẫn hóa có thể là sinh bất sinh. Chúng sinh nếu có thể hội nhập bất sinh theo nghĩa của Viên giáo thì đồng với A-nhã. Chẳng Bản chẳng Tích chẳng sinh chẳng bất sinh, tức Đại sự nhân duyên đối với đây đã xong. Cho nên đoạn văn dưới nói: Phú-lâu-na biến hóa bao nhiêu việc, nếu ta nói đầy đủ thì e rằng chúng sinh nghe sẽ sinh tâm nghi ngờ, tức nghĩa này vậy. Kinh A-hàm nói: A-nan cầm lồng đèn đi sau Phật, Đại Phạm vương cầm lồng đèn theo sau Kiều-trần-như. Đây đều là bày Tích mà muốn hiển Bản. Quán tâm bất sinh, là căn cứ vào tam quán thì có thể biết bất sinh, đây không phiền nói nhiều.

**“Ma-ha Ca-Diếp”**: Trung hoa dịch là Đại Quy Thị, do tổ tiên học đạo, gặp con linh qui đội bản đồ Tiên mà ứng. Theo đức mạng đó nên lập họ là Quy. Chân Đế Tam Tạng dịch là Quang Ba, là vị Cổ tiên do thân ngài có ánh sáng hơn các ánh sáng khác, che phủ khiến các ánh sáng khác không hiện rõ, cho nên gọi là Quang Ba, cũng dịch là Âm Quang. Ca-Diếp thân sáng.

Có thể chiếu sáng các vật, gọi là Tất-bát-ba-la-diên, hoặc Thê-ỳ-lê, là cây Tất-bát-la vậy. Cha mẹ cầu đảo ở Thần cây mà sinh được ngài, nên lấy tên cây để đặt tên ngài, Bạt-kỳ Tử sinh nơi tụ lạc này nên lấy làm hiệu. Ngài con nhà giàu có. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ngài là con vị trưởng giả giàu có ở thành Vương xá tên Ca-ỳ-la, vợ tên Đàn-na con tên Tất-bát-la con vợ tên Bà-đà, gia đình ngài giàu gấp

đôi vua Bình Sa Vương, mười sáu nước lớn không cùng làm láng giềng. Phó Pháp Tạng nói: Sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi diệt độ, tháp tượng sắc vàng bị hư hoại, lúc ấy có người con gái nghèo xin được vàng ngọc cùng ngài tu sửa phết vàng lên tượng, ngài rất hoan hỷ tu sửa tượng rất sáng, sửa xong ngài phát thệ nguyện cùng làm phu phụ. Trong chín mươi mốt kiếp ở cõi Trời cõi người, thân thường có sắc vàng, tâm thường thọ lạc. Kiếp cuối ngài thác sinh vào gia đình bà-la-môn Ni-câu-luật ở nước Ma-kiệt-đà, sợ hơn vua thì phạm tội nên ngài giảm bớt một phần ruộng cày chỉ dùng chín trăm chín mươi chín cặp trâu và vàng thôi! Lại Kinh dạy: Nhà có phẩm vật rất nhiều chồng chất lên nhau cho đến giá trị trăm ngàn lượng vàng, dùng đinh đóng vào đất bẫy thước vẫn không xuyên thủng phá được, vẫn như cũ không khác, sáu mươi kho vàng lúa, một kho chứa ba trăm bốn mươi học, loại kho chứa tiền và lúa. Lại kinh chép rằng: Lấy lúa cúng dường Bích-chi-phật. Nhọc nhằn vượt qua cõi Đao-lợi, rồi một ngàn phen trở lại tọa lạc, thân có ba tướng. Nói rõ về sắc, vàng như loại Diêm-phu-na-đà, ở đáy nước đục vẫn sáng thấu lên mặt nước, ở trong tối, bóng tối không còn. Ngài Ca-diếp thân sáng hơn cả vàng này, thân sáng chói đến một do tuần, ngài chỉ thiếu hai tướng so với Phật là không có bạch hào và nhục kế, cho nên khi chư thiên thỉnh ngài kết tập kinh điển có tán thán rằng: “Tuổi cao dục nhuế mạn đã trừ, hình dáng ngài như trụ vàng tía, toàn thân trang nghiêm vi diệu không sánh kịp, mắt trong sáng như hoa sen, đem cửa cải hiến dâng, xả bỏ gia nghiệp dục vọng mà xuất gia, thân mặc y báu vô giá cắt làm Tăng-già-lê để chồng bốn lớp làm tòa dâng Phật”. Như vậy ba phen xả bỏ thế tục, không ai sánh kịp, đó là “xả đại”, ở nơi tụ lạc Bạt-kỳ gặp Phật cúng y báu, Phật trao cho y phần tảo làm đại y, y này là đại y của đại thánh, lại không thô nặng nên Ca-diếp nói: Ta thọ nhận y của Phật, tưởng y như thầy như tháp, chưa từng gối đầu hướng chi đắp nằm. Đại y ấy khiến cho ta tinh tấn tu hành, cho nên nói “thọ đại”. Trong hàng đệ tử Phật nhiều tên Ca-diếp như ba ngài Thập Lực Ca-diếp... đều là bậc đại nhân, tuy đồng tên nhưng ngài là vị lớn nhất cho nên gọi là Đại Ca-diếp. Ở tụ lạc Bạt-kỳ ban đầu từ Phật nghe tăng thượng giới định tuệ liền đắc vô lậu, thọ pháp khát thực theo hạnh Đầu-đà suốt mười hai năm, đến già cũng không bỏ. Về sau Phật dạy ông tuổi đã cao, có thể xả hạnh khát thực trở về với chúng để thọ thực, có thể xả thô y nặng phần tảo mà thọ y hoại sắc nhẹ của cư sĩ cúng! Ca-diếp bạch Phật: Phật không xuất thế con sẽ làm Bích-chi-phật, thệ trọn đời hành khổ hạnh đầu đà, con nay không dám buông bỏ sự tu tập lại học theo thứ khác, lại muốn làm

sáng tỏ đời sau, đời vị lai sẽ nói: “Thượng tọa Ca-diếp được Phật ngợi khen, chúng ta cũng học hành khổ hạnh khó làm”. Nghe xong Phật nói: “Lành thay! đó là hạnh lớn”. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Trong pháp của Phật, hành mười hai pháp Đầu-đà là khổ hạnh khó hành”. Đại Ca-diếp là vị thực hành đệ nhất. Ngài tu hạnh này đã lâu, râu tóc không cao, y phục rách cũ xấu, ngài đi đến chỗ Phật thì các Tỳ-kheo thấy vậy liền khởi tâm kiêu mạn, đức Phật bảo ngài đến chia nửa tòa cùng ngồi. Ca-diếp không dám ngồi. Phật dạy: “Ta có Tứ thiên, thiên định hơi thở, tâm từ đầu đến cuối không có hao tổn, Ca-diếp cũng như vậy. Ta có đại từ bi nhân đức bao trùm tất cả, ông cũng như vậy thể tánh cũng từ bi, ta có đại bi cứu độ chúng sinh ông cũng như vậy. Ta có Tứ thiên Tam-muội: 1. Vô hình. 2. Vô lượng ý. 3. Thanh tịnh tích. 4. Bất thoái chuyển, thì ông cũng như vậy. Ta có lục thông, ông cũng như vậy. Ta có Tứ định: 1. Thiên định. 2. Trí định. 3. Tuệ định. 4. Giới định, thì ông cũng như vậy”. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Có Bà-la-môn bạch Phật: Hôm qua có Bà-la-môn đến nhà con, là người nào? Phật chỉ Ca-diếp. Người đó nói: “Đây là Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn”. Phật dạy: “Pháp luật Sa-môn, pháp luật Bà-la-môn ta đều biết, Ca-diếp cũng như vậy”. Công đức của Ca-diếp cùng đồng ta không khác, vì sao không ngồi? Các Tỳ-kheo nghe Phật khen ngợi Ca-diếp thì tâm sợ hãi, lông tóc dựng đứng. Phật dẫn chúng nhân duyên: Xưa có vị Thánh vương hiệu là Văn-đà-kiệt, tài cao tuyệt đỉnh, Thiên đế tôn kính tài đức của ngài liền sai ngàn ngựa xe lập thành cổng chào nghênh đón, vua Thiên đế cùng quần thần mời Thánh vương ngồi chung một tòa, chung vui xong rồi tiễn vua trở về hoàng cung. Xưa Ca-diếp dùng tòa sinh tử ngồi chung với ta, nay ta thành Phật dùng tòa chánh pháp đáp lại công lao trước đây. Khi ngồi đối diện với Phật, hàng thiên nhân đều cho là thầy của Phật. Lại Ca-diếp cùng A-nan thường thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni, có một Tỳ-kheo-ni không vui nói: “Như đứa trẻ con mua bán kim ở trước ông thầy châm cứu mà bán kim”. Ca-diếp bảo A-nan: “Tỳ-Kheo-ni này ví ông là thầy châm cứu, còn tôi là đứa trẻ bán kim.” Qua hai lời nói ấy, Phật bèn thuyết Kinh Nguyệt Dụ rằng: ngày ngày thường tăng tiến như người mới học chỉ có Đại Ca-diếp, ông nghe không? Ở trong Đại chúng được chia nửa tòa, ông nghe không? Ở trong Đại chúng được tán thán công đức rộng lớn đồng Phật, ông nghe không! Tại sao người ấy lại là trẻ con bán kim? Người ấy bị vu khống bị Phật quở trách. Vị đại: Ở trong Đại chúng gọi là Đại, đối trong một ngàn hai trăm năm mươi người gọi là Đại, ở trong năm trăm người gọi là Đại, trong bốn đại đệ tử gọi là Đại,

làm chủ ngũ sơn tự, là vị Thượng tọa Tri sự ở cõi Diêm phù đề cho nên nói “vị đại”. Sau khi đức Phật thiêu thân thành tro than nơi ấy mọc lên bốn cây Bát-đa-la, đây là tiêu biểu ngài Ca-diếp kết tập ba tạng kỳ kiếp pháp, làm tam tạng tứ A-hàm.

Trong bài tựa của ngài Tăng Triệu có viết: “Cái tông chỉ tuyệt đối rất ráo mầu nhiệm thật xứng ở nơi gọi là: Sự vắng lặng vượt khỏi ngôn ngữ, không thể truyền đạt, mà các Thánh hiền thường dùng. Đức Thích-ca dùng tông chỉ đó thiết lập giáo tột cùng, ngăn phòng thân khẩu nghiệp chế ra giới luật, phân rõ thiện ác mà dẫn dắt chúng sinh thâm nhập khế kinh, diễn bày đạo lý u huyền, biện minh mà dùng pháp tướng”. Đây tức nói rõ Tam tạng Giới, Định, Tuệ vậy. Kinh Tăng Nhất nói rõ nhân quả nhân thiên, kinh Trường A-hàm phá tà kiến, kinh Trung A-hàm nêu rõ nghĩa sâu mầu, kinh Tạp A-hàm nói rõ thiền định, đều do công của Đại Ca-diếp. Nếu luận riêng về sự kết tập thì A-nan tụng Tu-đa-la, Ưu-ba-ly tụng Tỳ-Ni, Ca-diếp tụng A-tỳ-đàm, nên gọi là Đại kết tập vậy. Sau khi Như Lai diệt độ truyền pháp lại cho Ca-diếp, vì ngài có thể vì tất cả chúng sinh làm chỗ nương cũng như Như Lai. Vì sao vậy? Phật dạy: Vì nếu có người hành khổ hạnh Đâu-đà thì pháp của ta còn tồn tại, Ca-diếp có khả năng gánh vác Phật pháp khiến cho giáo pháp tồn tại lâu dài, cho đến khi trao truyền y pháp cho Phật vị lai rồi mới nhập diệt nên nói là trì pháp đại. Ca-diếp đem tóc Phật bí mật lên cõi trời lễ Phật vì chư thiên thuyết pháp rằng: “Làm thiện sinh lên cõi trời, làm ác bị đắm chìm trong cõi dục, vô thường như sương đọng trên hoa gặp ánh nắng mặt trời thì tan biến”. Thuyết xong rồi bỏ đi. Chư thiên khóc lóc than rằng: “Đường nhỏ ngõ cùng toàn đau khổ nguy hiểm, gây yếu nghèo khổ cô độc, mong hằng thương xót. Nay ngài diệt độ thì ai bảo hộ che chở?”

Căn cứ Giáo, giải thích Đẩu tẩu: Đẩu tẩu là rũ sạch mười hai lỗi như: Cầu mong y tốt thì khổ, được nhiều thì sợ, bị mất thì lo buồn. Y phấn tảo thì không bị năm thứ sợ: nước, lửa, đao, tặc, vương nạn. Nếu cất chứa nhiều, thì may vá, giặt, cất cũng nhọc công nhiều, cho nên chỉ có ba y. Nếu dùng bữa ăn trong Tăng chúng, phải mưu tìm công việc giúp Tăng cho nên chỉ khát thực, nếu ăn dư, ăn vật là làm nhiều động mất thời gian tu tập cho nên chỉ ăn một bữa. Không nên ăn nhiều bởi vì ăn nhiều thì khó tiêu sinh buồn ngủ biếng nhác, ăn ít thì sợ thiếu đói, không đủ sức tu hành, cho nên phải ăn vừa lượng. Lại dùng nhiều bát thì chỉ vương bận rửa ráy gìn giữ cho nên chỉ dùng một bát. Các loại nước uống phải làm lụng cực nhọc mới có, nên không được uống nhiều.

Ở nơi phòng xá thì dễ sinh tâm nhiễm đấm nên phải ở dưới gốc cây. Ở dưới gốc cây ở cũng sinh lòng bảo thủ tham đấm, cho nên phải ở nơi gò mả. Ở nơi gò mả dễ sinh lòng thương xót buồn rầu, nên phải ở nơi đất trống. Nếu nằm thì tiêu hao công đức, tăng trưởng lưỡi biếng, cho nên phải thường ngồi. Hai điều nói cách dùng y, sáu điều nói cách ăn uống, bốn điều nói về chỗ ở. Nay chỉ ước lược pháp khát thực để làm rõ hạnh Đầu-đà. Khi khát thực được dễ dàng thì sinh tâm vui, gặp khó khăn thì sinh giận, được tốt thì đấm, xấu thì buồn, vui buồn khởi lên sắc tướng tức sắc ấm, thọ sự vui buồn này tức thọ ấm, chấp chọn tướng vui buồn tức tướng ấm, lo buồn có được tức là hành ấm, phân biệt vui buồn tức thức ấm. Vui buồn tức ý và pháp, là hai Nhập trong tam giới. Giới nhập ấm tức Khổ đế. Ta năng khát thực là chấp hữu ngã hay vô ngã, lấy khát làm đạo hay lấy khát làm thật? Suy xét như vậy thì sẽ: khen thì mừng, chê thì giận, ta năng bị quả trách tức nghi, không hiểu biết rõ là si, là bị mười sử, bốn đế trải qua ba cõi tức tám mươi tám sử gọi là Tập đế. Nếu biết bốn tướng điên đảo trong khát thực thì tướng tự tướng tục vì bị ngăn che nên gọi “thường”, thích ý gọi là “lạc”, động chuyển tạo tác che lấp cho nên gọi là “ngã”, da mỏng che lấp gọi là “tịnh”. Biết bốn thứ che lấp không có bốn thứ điên đảo, siêng năng ngăn ngừa hai điều ác sinh hai điều thiện, tu Tứ định căn lực, giác đạo là Đạo đế. Trong pháp khát thực, không chấp ngã thì diệt được si, si diệt nên ái diệt, ái diệt nên sân diệt. Sân diệt nên không còn kiêu ngạo thì mạn diệt, cho nên bị quả trách thì không còn nghi. Không còn ngã, cho nên ngã kiến diệt, ngã kiến diệt nên biên kiến diệt, không chấp là đạo thì giới thủ diệt, không chấp là thật nên kiến thủ diệt, không tà chấp nên tà kiến diệt. Diệt được mười thứ này thì tám mươi tám sử diệt, tám mươi tám sử diệt nên tử phước diệt. Tử phước diệt, nên quả phước diệt. Quả phước diệt nên hai mươi lăm hữu diệt. Đó gọi là Diệt đế. Nếu trong pháp khát thực mà không thấy bốn chân đế, thì sẽ bị xoay chuyển trong biển khổ của vòng sinh tử, Nếu có thể thấy bốn chân đế, thì đoạn sinh tử. Sinh tử đã tận rồi thì không còn thọ các hữu, đó gọi là quán tuệ trong pháp khát thực đầu tẩu. Y pháp trụ xứ pháp cũng lại như vậy. Đó gọi là Tam tạng Đầu-đà.

Thông giáo Đầu-tẩu: Duyên chân chứng tịch thì gọi là trú xứ, Không tuệ làm thức ăn, Không tâm hành các hạnh làm y phục. Thường tánh Không, khi đều là tánh không thì Không tuệ đầu tẩu đều như huyền hóa. Vọng tưởng các ác, tịch diệt không khởi, nên tâm sở tâm pháp không hành vì bất khả đắc. Cho nên trong các thứ tướng ứng thì Không

tương ứng là đệ nhất, trong các khổ hạnh thì hạnh Không là đệ nhất, trong các đầu tẩu thì không tuệ đầu tẩu là đệ nhất. Đó là tóm lược xong phần giải thích hạnh Đầu tẩu theo Thông giáo.

Biệt Bản giáo đầu tẩu: Y nơi pháp thân lấy đó làm trú xứ, dùng trí tuệ Bát-nhã làm thức ăn, lấy tất cả hạnh trang nghiêm làm che chở (y phục) để ngăn các ác khổ hắc nghiệp. Bát-nhã Đầu tẩu rũ bỏ các phiền não ác. Pháp thân Đầu-tẩu rũ bỏ Khổ ác sinh tử. Hạnh đầu tẩu trước rũ bỏ Khổ phiền não phần đoạn. Đầu-tẩu tiếp theo rũ sạch nghiệp Khổ phiền não biến dịch. Đây là hành Đầu-tẩu theo Chánh quán Trung đạo, vượt qua sự hành trì Khổ hạnh của Nhị thừa v.v...

Viên giáo Đầu-tẩu: Nơi ở, y áo, thức ăn chỉ là một pháp mà phân biệt nói thành ba. Một Đầu tẩu là hết thấy Đầu tẩu. Hết thấy Đầu-tẩu là một Đầu-tẩu. Không phải hết thấy cũng không phải một. Tất cả Đầu tẩu, không tướng nào không phải Thực tướng. Chư Phật sở hành là hạnh của Như Lai các , vượt qua các thanh tịnh của Bồ-tát v.v...

Giải thích Đầu-tẩu theo Bản tích: Bản: vốn cùng Như Lai đồng tòa rốt ráo lý Không, đồng đặc pháp thân rộng lớn, đồng đặc trí tuệ vô ngại, đồng đặc vô lượng công đức, bên trong thì xả pháp ái, bên ngoài thì không cấu nhiễm, trong ngoài Đầu-tẩu vốn đã thanh tịnh. Tích: muốn dẫn vị Sữa, là Đầu tẩu trong sự. Tiếp theo, dẫn vị Lạc, là Đầu-tẩu trong Không. Tiếp theo, dẫn Sinh-tô là Đầu-tẩu trong Biệt giáo. Tiếp theo, dẫn Thực-tô Đầu-tẩu trong Viên giáo.

Giải thích Đầu-tẩu theo Quán tâm: Tức Không Đầu-tẩu rũ sạch chấp tướng. Tức Giả Đầu-tẩu là rũ sạch Trần sa hoặc, tức Trung Đầu-tẩu là rũ sạch Vô minh hoặc. Nhất tâm Trung quán thì Đầu-tẩu là rũ sạch Năm trụ.

“Ba anh em ngài Ca-diếp”: Ca-diếp như trước giải thích; Ưu-lâu-tần-loa, cũng gọi Ưu-lâu-tỳ, cũng là Ưu Vi, Trung hoa dịch là Một-qua Lâm. Na-đề Ca-diếp Tàu dịch Hà, cũng gọi là giang. Gia-da Ca-diếp cũng gọi Kiết Di, cũng gọi là Tượng. Nhà ở phía Nam thành Vương xá cách bảy dặm. Vào thời Phật Tỳ-bà-thi, ba người cùng là cột trụ của Phật pháp. Khi chưa xuất gia kết nghĩa thành anh em. Người anh là thầy của Bình Sa Vương, có năm trăm đệ tử và hai người em, mỗi người đều có hai trăm năm mươi đệ tử cùng thực hành theo pháp thuật của người anh. Phật vì thu phục ba người, mà thị hiện mười phép biến hóa: Không trúng độc của rồng, rồng phun lửa mà không bị cháy, nước biển Hằng không làm chìm, ba phương hái quả, phương bắc lấy lúa tám cánh, lên cung trời Đao-lợi lấy nước cam lồ, biết các nghi về quá khứ, biết suy

ngã trong hiện tại và vị lai, lửa đốt không cháy, nhắc búa lên mà không hạ xuống. Phật còn thị hiện thêm các điềm lành, tuy nhiên vẫn còn tà chấp không đổi. Còn nói: “Đức Cù-đàm tuy có thần thông quảng đại nhưng không bằng Chân đạo của tôi. Phật liền bảo: “Người không đắc đạo, người chưa phải A-la-hán.” Nói xong thì người anh cùng đệ tử hóa thân khai ngộ, qui phục theo Phật. Hai em thấy vậy cũng đều quy y theo Phật, hợp thành một ngàn Tỳ-Khưu.

Căn cứ về giáo: Như Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ưu-lu-tỳ có thể ủng hộ tứ chúng, cung cấp tứ sự khiến không còn nghèo thiếu, là hộ trì chúng bậc nhất. Na-đề Tỳ-kheo tâm ý vắng lặng, hàng phục các kết, là tinh tấn bậc nhất, Gia-gia Tỳ-kheo quán rõ các pháp đều không còn chỗ đắm trước, là bậc khéo giáo hóa bậc nhất. Đó là là trong thời giáo pháp của Phật như vị lạc. Nếu chuyển nhập vào Sinh-tô tức nên thẹn với Tiểu thừa mà hâm mộ Đại thừa, so sánh có thể biết. Nếu chuyển Nhập Thực-tô thì nên theo nghiệp lãnh thọ giáo. Nếu chuyển nhập Đề-hồ thì như trong kinh này, được thọ ký làm Phật.

Bản tích: Trụ nơi ba đức. Lâm tức Bát-nhã, Thành tức Pháp thân, Thủy tức Giải thoát. Đó là bí mật Bản tạng. Tích thì nương theo Lâm Thành Thủy để độ chúng sinh.

Quán tâm: Chánh quán tâm tánh. Trung đạo bất động như bức thành ngăn chặn địch, không động mà động, như nước thanh tịnh các bên điên đảo, song chiếu khô tươi, như rừng cây sum xuê, ba pháp phụ giúp cho nhau tức như cây liền cành, như anh em vậy.

“**Xá-Lợi-phất**” gọi đủ là Xá-lợi-phất-la, Trung Hoa dịch là Thân tử, lại chữ “Xá Lợi” dịch là Châu. Mẹ ngài là người thông minh, đôi mắt sáng như ngọc, cho nên sinh ra ngài đặt là Châu Tử. Lại, “Xá-lợi” dịch là Thân, vì mẹ ngài hình thể rất đẹp, cho nên sinh ra ngài đặt là Thân Tử. Người thời đó gọi tên con hiển lộ mẹ nên lấy đó làm hiệu. Cha đặt tên Ưu-ba-đề-xá hoặc Ưu-ba-thế, Trung Hoa dịch Luận nghĩa tức luận về nghĩa là vợ, luận về tên là con, là nêu lên đức của người cha trong gia đình. Thích luận giải thích: Tên tôi là Đề-xá, theo tôi tức là Ưu-ba-đề-xá, Ưu-ba là theo, Đề-xá là tên tất. Lại, “Xá” tiêu biểu cha, “Lợi” tiêu biểu mẹ, cha mẹ hiển bày nên gọi Xá-lợi-phất, “Phất” là con. Ngài dòng Bà-la-môn, họ Câu-tiêu-đà, Kinh Tăng Nhất nói: “Trong Phật pháp người có trí tuệ siêu việt, có khả năng giải quyết mọi nghi ngờ, thì Xá-lợi-phất là đệ nhất”. Kinh Bản Sinh nói việc xưa: Trong quá khứ cậu cháu ngài đều là thợ dệt vải biết kho báu của vua nên đào đất để trộm trân báu được rất nhiều, quan coi giữ bạch vua! Vua ra lệnh khi



trộm kia tìm đến đây thì rình bắt. Người cháu sai cậu trở lại trộm tiếp, nên cậu bị bắt, cháu sợ mọi người biết bèn chặt đầu cậu. Vua sai đem tử thi cậu để ngã tư đường để dụ người thân. Sau nhân khách mua bán tụ tập đông đảo ồn ào, cháu chở hai xe củi che thi thể. Vua lại sai người canh giữ, nhân trẻ con đang ca hát múa xướng ném lửa vào thiêu đốt. Lại, đi đến quán rượu, người coi giữ đang say mèm, bèn lấy bình rượu đựng cốt cậu mà đi. Vua lo lắng sợ bọn xảo quyết liền sai người nữ nghiêm phòng cẩn thận, ở bên bờ nước và căn dặn trước người nữ kia nếu có ai đến nắm chặt lấy mà kêu. Người cháu núp trong bông cây nổi trên mặt nước. Người đề phòng cho là người, đến xem chỉ là bông cây nên không canh giữ, nhiều ngày tiếp không phòng bị. Nhân đó người cháu đến được và thông dâm với nữ kia. Người nữ bèn giữ chặt lấy áo, người cháu trao cho cánh tay người chết. Người nữ kêu lớn thì chỉ giữ được cánh tay người chết. Người nữ sinh một đứa con trai đoan chánh, vua sai vú nuôi ẵm bỏ đi, nếu ai khóc thì bắt lấy kẻ đó. Liên tiếp mấy ngày liền đói khát mới lần đến dưới lò nướng bánh, người làm bánh cho ăn mà khóc, vua lại đuổi đi. Nhân ở quán rượu, người theo dõi đang say, người cháu bỗng đưa trẻ mà đi qua nước khác. Bậc hiền ở nước ấy bàn mưu: nếu lấy con gái của Đại thần thì không sao. Đứa trẻ lớn lên và đặt tên tự là Nhi, lại cầu hôn con gái của quốc vương nước cũ, và được chấp thuận. Người cháu dùng năm trăm kỹ sĩ, mặc toàn một loại y phục để đi rước con dâu. Trông thấy cửa cải, nghi ngờ, nhà vua hỏi mới biết của cải trộm ngày xưa. Bèn tha: “Do sự gian trá của người mà nay con của người lấy được con gái của ta làm vợ” Người cháu tức là Xá-lợi-phất ngày nay, và Điều-Đạt là người cậu trước kia vậy.

Gá thai: Cha tên Ưu-bà-đề-xá học thông kinh sách, mình mặc giáp sắt đầu đội nón lửa, một mình đến thành Vương xá đánh trống thách đấu luận nghị, Quốc sư Đà-la tự biết thua kém, nên phong tước và gả con gái cho. Người vợ một hôm nằm mộng thấy người đội mũ tướng soái tay cầm chày kim cương đập nát tất cả núi rồi sau đứng lên một hòn núi. Khi tỉnh dậy thân thể nặng nề liền hỏi chồng. Người chồng nói: “Nàng đã mang thai. Đứa trẻ sinh ra sẽ đá phá tất cả luận sư, chỉ thua một người và sẽ làm đệ tử người đó”. Người cậu tên Câu-si-la, luận thường hơn chị. Người chị đã mang thai “người trí” nên luận thắng em. Người em tự nghĩ: đây chẳng phải là sức của chị, quyết có người nào có trí tuệ hơn gá thác vào thai, ở trong thai còn như vậy huống chi khi sinh ra ư! Do đó người em gắng tìm tòi học khắp nơi đến nỗi không rảnh mà cắt móng tay, nên người đời ấy gọi ông là “Phạm chí móng

tay dài”... Lúc ấy có hai con rồng Nan-đà, Bạt-nan-đà thường bảo vệ thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, mưa thuận gió hòa nước không có năm đói, vua và thần dân thiết lập đại hội An Lạc Hạnh bài trí ba tòa cao: Vua, Thái tử và Luận sư. Bấy giờ Thân Tử chỉ mới tám tuổi, đến thẳng chỗ hội và hỏi: “Người ở ba tòa đủ chưa?” Mọi người đáp đủ. Liền vượt lên tòa luận nghị. Quần thần nho sĩ xấu hổ không dám đối mặt luận. Và nghĩ: “Nếu thắng đứa bé, chẳng vinh dự mà thua thì nhục nhã vô cùng. Nên nhờ người hầu chuyển lời hỏi đến Thân tử. Cậu bé đối đáp qua người đại diện chuyển lại. Tất cả cờ của các Luận chủ đều hạ xuống, không ai có thể đương đầu. Thế là, vua và thần dân hết sức ca tụng Thân tử và bảo: “Bậc trí tuệ ra đời, đất nước sẽ thái bình mãi mãi”. Năm lên mười sáu tuổi, ngài nghiên cứu tất cả các kinh sách cõi Diêm-phu-đề từ cổ chí kim, không việc gì mà không biết diễn xướng mẫu nhiệm, Luận sự mười sáu nước không ai hơn ngài, là Đệ nhất luận nghị của Ngũ Thiên Trúc, hầu thầy Sa Nhiên Phạm chí, đạo thuật của thầy thì Thân tử đều đắc, thầy có hai trăm năm mươi đệ tử về sau đều theo Thân tử mà thành tựu. Sa Nhiên khi sắp chết vui mừng mà cười, Thân tử hỏi... Đáp: Thế tục không có con mắt, bị ái ân trói buộc, ta thấy vua nước Kim chết, phu nhân gieo mình vào lửa thiêu theo, nguyện đồng sinh một chỗ.” Nói xong thì mạng chung, về sau gặp được thương nhân nước Kim hỏi ra thì quả nhiên như vậy. Thân Tử hối hận chưa học hết, học thuật của thầy, mà thầy cũng không truyền trao pháp này cho. Vì ta chẳng phải là vua ấy. Vì thầy giấu vậy. Tự biết mình chưa thông đạt, lại cầu học pháp thù thắng mà không có thầy nào có khả năng chỉ dạy. Tuy không học được một pháp này, nhưng các pháp khác ngài đều thông suốt, là đệ nhất trong chúng ngoại đạo. Một hôm đang đi trên đường gặp ngài Ngạch Tỳ (Mã Thắng) oai nghi đàng hoàng, nhân hỏi về thầy và pháp của ngài Mã Thắng đáp rằng: “Các pháp đều từ duyên sinh vì vậy nên thuyết nhân duyên, các pháp cũng từ duyên diệt, thầy ta dạy như vậy.” Vừa nghe xong, Thân tử liền đắc quả Tu-đà-hoàn, và theo đến chỗ Phật, sau bảy ngày thì thông đạt hết thấy biển Phật pháp, và sau mười lăm ngày thì đắc A-la-hán. Ngày sau ngài làm Hòa thượng cho La-hầu-la, làm thầy của Kiều-phạm-ba-đề, trong chúng Thanh văn thì ngài là đệ tử đắc lực, bên phải của đức Phật. Điều-đạt phá tăng dần năm trăm Tỳ-kheo đi, chính Thân Tử giáo hóa họ quay trở về... Lao Độ Sai thách đấu phép lực với Ngài: Độ Sai hóa làm Quỷ Da-xoa, Thân-tử hóa làm Tỳ-Sa-môn thiên vương. Mỗi mỗi các phép đều thắng, Độ Sai phải hàng phục... Thiên vương, bao nhiêu việc đều vượt, Độ được hàng

phục tất cả. Kinh A-hàm nói: Thân Tử như mẹ ruột của bốn chúng, Mục Liên như mẹ nuôi của bốn chúng... Kinh Trung A-hàm quyển hai nói: Có một vị Tỳ-kheo sống ở An cư, được xưng tụng là: Thán Mãn Từ Tử. Là người thiếu dục tri túc tinh tấn, ở chỗ vắng lặng, nhất tâm chánh niệm trí tuệ vô lậu, cũng hay xưng tụng thuyết những pháp này để khuyến tu. Lúc ấy Thân Tử nghe suy nghĩ ta làm thế nào để gặp được người này? Người ấy khi nào đến chỗ Phật? Có người mô tả hình tướng đẹp đẽ trang nghiêm của Mãn Từ Tử cho Thân tử biết. Sau ở rừng An-đà, Trung hoa gọi là Thắng lâm, gặp được Thân Tử bèn hỏi: Ở chỗ đức Cù Đàm tu phạm hạnh ư? Đáp: Như vậy! Lại hỏi: Vì giới định tu phạm hạnh ư? Đáp: Không. Lại hỏi: Vì tâm tịnh, kiến tịnh, độ nghi tịnh, tri đạo phi đạo tịnh, đạo tích tri kiến tịnh, đạo tích Trí Đạo tịnh tu phạm hạnh ư? Đáp: Không. Lại hỏi: trước nói như vậy nay nói không, nghĩa ấy như thế nào? Đáp: Vì Vô dư Niết bàn cho nên tu phạm hạnh. Lại hỏi: Vì giới tịnh nên thiết lập Vô dư Niết bàn? Đáp: Không. Cho đến, hỏi: Vì đạo tích Trí Đạo tịnh cho nên thiết lập Vô dư Niết bàn ư? Đáp: Không. Lại hỏi: nghĩa này như thế nào? Đáp: Nếu vì giới tịnh mà thiết lập Vô dư, thì đây lấy Hữu dư xưng là Vô dư, cho đến nếu vì đạo Trí Đạo tịnh mà thiết lập Vô dư thì cũng lấy Hữu dư xưng Vô dư. Nếu lìa bảy thứ này thì hàng phàm phu sẽ Niết-bàn, phàm phu lìa bảy thứ này hay không lìa đều tùy theo giới tịnh cho đến tâm tịnh cho đến đạo tích Trí Đạo tịnh. Nhân giả lắng nghe tôi thí dụ: Như vua Ba-tư-nặc muốn từ Câu-tát-la đến Bà-kê-đế, khoảng giữa bày biện bảy chiếc xe, vua bỏ xe đầu đi thứ hai, cho đến bỏ xe thứ sáu đi xe thứ bảy. Người Ba-kê-đế hỏi: vua đi xe đầu ư? Đáp: Không. Cho đến hỏi: đi xe thứ bảy ư? Đáp: Không. Hỏi lìa bỏ bảy xe này ư? Đáp: Không. Bảy xe này dụ cho nghĩa trên, có thể biết. Thân Tử hỏi Hiền giả tên gì? Người phạm hạnh gọi ông là gì? Đáp: Cha ta tên Mãn, mẹ ta tên Từ, người phạm hạnh gọi ta là Mãn Từ Tử. Thân Tử khen: “Lành thay! Mãn Từ Tử làm đệ tử của Như Lai, trí tuệ biện tài thông minh, quyết định an ổn vô úy, được đại biện tài đặc cam lộ vị, và tự tác chứng. Rất lợi ích được gặp ông, các người phạm hạnh sẽ y chỉ kính trọng ông. Mãn Từ Tử hỏi: Hiền giả tên gì? Người phạm hạnh gọi ông như thế nào. Đáp: cha tôi tên Ưu-ba-đề-xá, mẹ tôi tên Xá-lợi cho nên gọi tôi là Xá-lợi Tử. Mãn Từ Tử liền tự trách: Ôi! Tôi nay bàn luận với đệ tử của Thế Tôn, với đức Thế Tôn thứ hai, với vị đại tướng trong Phật pháp, với một vị đệ tử chuyển lại pháp luân... mà không hay biết! Nếu biết trước thì đến một câu cũng không thể đối đáp, huống hồ bàn luận sâu xa...! Lành thay! Đệ tử của Như Lai

khiến mọi người đều tôn kính!

Đức Phật thuyết một câu, Thân Tử lấy một câu làm căn bản, bảy ngày bảy đêm làm thành tiếng Sư tử hống, luận ra câu đặc biệt, ý vị kỳ lạ đến vô cùng tận. Huống chi Phật thuyết nhiều mà Thân Tử thì trí tuệ biện tài đâu có thể nói hết được! Kinh Trung A-hàm quyển hai mươi nói: Lúc đức Phật ở ao A-nậu-đạt, Long vương nói: “Trong chúng đây không thấy Xá-lợi-phất, xin Thế Tôn mời đến cho”. Đức Phật sai Mục-liên-liên đến tinh xá Kỳ Hoàn gọi Thân Tử, gặp lúc Thân Tử đang may vá y ngũ nạp, nên đáp rằng: “Ngài đi trước, tôi sẽ đến sau”. Mục-liên nói: “Đức Phật dạy tôi đến nói ông đi tại sao lại bảo tôi đi trước?”. Mục-liên lấy tay đung vào y, y liền may xong. Thân Tử nghĩ: “Mục Liên đùa giỡn, thử sức mình, thì mình cũng thử lại xem”, liền lấy dây áo ném xuống đất nói: “Ông có thể nâng y này lên được không?” Mục-liên nghĩ Thân Tử đùa thử ta, liền gắng sức lấy lên mà không được. Khi ấy Thân Tử lấy dây buộc vào cây Diêm-phù làm chuyển động một thiên hạ, buộc lần thứ hai, ba, bốn, làm chuyển động tứ thiên hạ không đứng vững, lại buộc vào tiểu thiên trung thiên đại thiên cũng không đứng vững, lại buộc dưới chân tòa của cõi Phật khác, mười phương thế giới Phật đều rung rung mà không động. Mục-liên tự nghĩ ta thần lực đệ nhất, nay không thể động, vả lại không mất thần lực, Mục-liên thúc giục khiến đi, Thân Tử đáp: Ông đi trước, Mục-liên trở về chỗ Phật thì thấy Thân Tử ở trước Phật. Long vương thấy đất động hỏi Phật, Phật đáp do thần lực của hai người ấy, Long vương và năm trăm Tỳ-kheo sinh tâm coi thường đối với Mục-liên. Phật dạy: Xá-lợi-phất, đối với bốn thứ thần thông được tự tại, Mục-liên cũng tự tại mà không thể sánh bằng Phật lực đó thôi! Phật bảo: Mục-liên! Ông hiện thần lực đi! Mục-liên dùng bát đựng đầy năm trăm Tỳ-kheo nâng lên đặt trước Phạm cung, một chân đạp nhẹ lên núi Tu di, một chân đến Phạm cung, thân ở cõi kia mà thuyết kệ, khắp cả ngàn nước. Năm trăm Tỳ-kheo lại sinh tâm kính phục...

Ước về giáo: Nếu căn cứ Tam tạng thì trí tuệ tức là vô học thập trí đoạn kết chứng chân, phụ giúp Phật trong việc tuyên dương giáo hóa. Thích Luận quyển thứ bốn mươi nói: “Ngài Mục-liên là vị đại tướng bên cánh tay mặt của Phật tức nghĩa trên vậy. Theo Thông giáo thì Trí tuệ là như trong Bát-nhã tự thuyết để trở thành Ma-ha-tát, nghĩa là ngã kiến, chúng sinh kiến, Phật kiến, Bồ đề kiến, chuyển pháp luân kiến, phá tất cả các kiến này thì gọi là Ma-ha-tát. Các Hiền Thánh tự thuyết là pháp của mình, không như người bây giờ vọng có sở thuyết. Phải biết: Thân-

tử chẳng những phá kiến sinh tử mà còn phá Phật kiến, Bồ-đề Pháp luân Niết-bàn kiến. Trí tuệ đây khác với sơ giáo. Theo Biệt giáo thì trí tuệ là: Nếu căn cứ ngũ vị để phân biệt, nếu từ nguyên sơ chỉ nghe giáo có vị Sữa, vị Lạc mà không nghe giáo các vị khác, rồi phát tâm tu hành chỉ hành theo giáo Sữa Lạc, đây là Trí tuệ theo sơ giáo. Nếu chỉ nghe Lạc, Lạc không do từ Sữa, tánh của thiện ác tánh vốn tự không, chẳng do tu thiện phá ác, diệt sắc, chấp Không, chỉ tu tức Không, là Thông giáo trí tuệ. Nếu từ nguyên sơ được nghe Đê-hồ là Đê-hồ. Nuôi trâu lấy Sữa, nấu Sữa thành Lạc, chuyển Lạc thành Sinh tô, chuyển Sinh tô thành Thục tô, rồi mới được Đê-hồ. Tu hành như đây, tức là Biệt giáo trí tuệ. Nếu từ nguyên sơ chỉ nghe trâu ăn Nhẫn nhục thảo liền xuất ra Đê-hồ, có năng lực trị bệnh, các bệnh đều tiêu trừ, tất cả các được thấy đều nhập vào trong chất kia, tu hành như đây là Viên giáo trí tuệ.

Bản tích: Bản trụ thật tướng, Trí độ là mẹ, từ cảnh phát sinh trí tuệ. Cảnh tức là “Thân”, trí tuệ tức là “tử”, thương xót chúng sinh. Tích là ngũ vị Thân-tử, muốn chuyển máu phiền não ác thành Sữa (nhũ) thiện, thị hiện làm trí tuệ ngoại đạo, làm đại luận sư. Muốn nấu Sữa thành Lạc cho nên chỉ dạy Tam tạng trí tuệ, làm đệ nhị Thế tôn. Muốn dẫn Lạc thành Sinh tô, cho nên thị hiện Tiểu thừa, áp ứng lời lẽ Đại thừa, chịu đui lý trước cư sĩ Tịnh Danh. Muốn dẫn Sinh tô thành Thục tô, cho nên an ủi làm lợi ích cho người đồng phạm hạnh, lãnh giáo trong thời Bát-nhã. Muốn dẫn Thục tô thành Đê-hồ, đó là người sơ ngộ Pháp Hoa. Đây đều là thuộc Tích môn thị hiện bên ngoài, nhưng Bản địa bên trong thì bí mật ấy đã thật có từ lâu. Quán tâm: Nhất tâm tam quán, thâm nhiếp tất cả trí tuệ. Quán tâm tức Không, nên thâm nhiếp được Lạc trí tuệ. Quán tâm tức Giả, nên thâm nhiếp được Sinh tô Thục tô trí tuệ và trí tuệ thế gian. Quán tâm tức Trung, nên thâm nhiếp được Đê-hồ trí tuệ, đó gọi là “Nhất tuệ là nhất thiết tuệ, nhất thiết tuệ là nhất tuệ, phi nhất tuệ phi nhất thiết tuệ” trong Quán tâm.

“**Đại Mục-Kiên-liên**” là họ, dịch là Tán tụng. Kinh Văn-Thù Ván dịch là Lai Phục Căn. Chân Đế nói Vật-già-la, đây dịch “Hồ Đậu” là hai vật mà tổ tiên ưa thích. Nhân đó, lấy làm họ tộc. Thích luận nói: “Thân phụ ngài là Cát Chiêm sử đặt tên cho Ngài là Câu-luật-đà. Câu-luật-đà là tên cây, do cha mẹ cầu thần cây mà sinh ra ngài, nhân đó đặt tên. Lại, gọi tắt là Mục-già. Kinh Vị Lai Nhân Quả nói: Đại Mục-liên là Dạ-na, tên đồng rất nhiều cho nên nêu chữ “Đại”. Thích Luận giải thích: Xá-lợi-phất tài cao cận quý, Mục-liên hào hiệp làm trọng, trí tuệ tài năng đức hạnh của hai người sánh đồng nhau. Kinh Tăng

Nhất A-hàm nói: “Trong số đệ tử ta, thần thông bay nhẹ nhàng lên đến khắp mười phương, thì Đại Mục-liên là đệ nhất”. Thích luận quyển bốn mươi một nói: Đệ tử bên tả của Phật. Bọn thầy trò ngoại đạo cả thầy năm trăm, đang dùng chú dời núi, trải qua một tháng đã bắt đầu di động, Mục-liên nghĩ rằng: Núi này nếu bị dời nhiều thì sẽ gây tổn hại, liền ở trong hư không trên đỉnh núi ngồi kiết già núi trở lại bất động. Ngoại đạo liền bảo nhau: “Pháp thuật của ta có thể dời núi, Kể cả mặt trời cũng phải di dời, tại sao nay lại an nhiên như trước? Đây chắc là Sa-môn kia sai khiến như vậy”. Tự biết mình sức tu yếu, bọn họ liền phát tâm qui y Phật đạo, khiến vô lượng người xuất gia theo Chánh pháp. Anh em nhà rồng: Nan-đà Bạt-nan-đà ở bên biển gần núi Tu-di, đức Phật thường bay trên không đến cung trời Đao-lợi. Rồng sinh tâm sân giận nói: “Lũ người trọc đầu sao bước qua đầu chúng ta?” Lần sau, Phật muốn lên trời, rồng phun mây mưa tối sương che lấp ba thứ ánh sáng. Các Tỳ-kheo đều muốn hàng phục, đức Phật không cho, Mục-liên nói: “Tôi có thể hàng phục được rồng”. Rồng dùng thần thông nhiều bảy vòng quanh núi Tu-di, đuôi chạm đến nước biển, đầu gối núi Tu-di. Mục-liên hiện thân gấp đôi nhiều mười bốn vòng quanh núi, đuôi ra ngoài biển, đầu gối cỡi Phạm cung. Rồng tức giận, phun mưa đầy khắp thành sỏi cứng. Mục-liên biến sỏi thành hoa báu nhẹ mềm êm ái. Rồng càng sân giận... Mục-liên hóa làm thân bé nhỏ vào trong thân rồng, vào mắt ra miệng, vào tai ra mũi, đâm cắn thân rồng, rồng chịu đau đốn khổ sở, mới chịu khuất phục. Mục-liên thu nhiếp thần thông, thân bé thành lớn, hiện tướng Sa-môn đem hai con rồng đến chỗ Phật, được Phật qui y. Điều-đạt dẫn năm trăm Tỳ-kheo theo làm đồ chúng của mình, Mục-liên ngăn giữ khiến họ ngủ say ngáy rống như sấm hạ phong ra tiếng, Cù-già-ly dùng chân đạp mạnh họ còn không tỉnh. Thân-tử thuyết pháp khiến năm trăm Tỳ-kheo hồi tâm trở về, Mục-liên dùng thần thông đưa tay lên cao đem họ trở về khiến Tăng được hòa hợp. Kinh Tạp A-hàm quyển hai mươi chín nói: Phật ở thành Xá-vệ ngày rằm thuyết giới, Đức Phật im lặng không nói, A-nan bốn lần thỉnh. Phật nói: “Chúng không thanh tịnh, nên ta không thuyết giới. Ông có thể sai vị thượng tọa nào trì luật”. Người tụng giới xưng lên. Mục-liên liền nhập định tìm xem trong chúng ai không thanh tịnh, thì thấy hai Tỳ-kheo Mã Sư và Mãn Túc, liền cầm tay lôi ra khỏi cửa và thỉnh Phật thuyết. Phật dạy: Ta không nói hai lời, nay không thể tự thuyết giới lại. Mục-liên nói: Chúng không thanh tịnh, tôi cũng không làm lại Duy-na. “Kỳ-vực” Trung hoa dịch là Cố Hoạt, lúc ông sống ở cung trời Đao-lợi, đệ tử của Mục-liên bị

bệnh nên Mục-liên dùng thần thông đến tìm, gặp lúc chư thiên ra vườn dạo chơi, Kỳ-vực ngồi trên xe không xuống, chỉ chấp tay xá mà thôi, Mục-liên giữ xe dừng lại Kỳ-vực nói: Chư thiên thọ lạc, tôi gặp lắm, không rảnh hỏi han, tôn giả muốn điều gì? Mục-liên nói mục đích của mình. Kỳ-vực đáp: “Đoạn thực là chủ yếu” rồi buông ra cho xe chạy như trước. Đế-thích thắng Tu-la nên tạo dựng Thắng đường, gác lầu bảy báu trang nghiêm đặc biệt kỳ lạ, trụ cột chi tiết đều đẹp, không liên kết nhau mà vẫn chắc chắn. Đó là do phước lực vi diệu của cõi trời có thể như vậy. Mục-liên bay đến, Đế-thích dẫn Mục-liên đi xem nhà, chư thiên nữ đều hổ thẹn trốn hết không ra, Mục-liên nghĩ Đế-thích đắm lạc thú không tu gốc đạo, liền biến hóa lửa cháy, Thắng đường bỗng chốc sụp đổ, rồi vì Đế-thích nói rộng lý vô thường. Đế-thích hoan hỷ, sau đó Thắng đường nghiêm nhiên không còn sắc tro khói nữa. Mục-liên lại dựng đầy túi năm trăm La-hán như trước nói. Phạm âm của Như Lai vang rất xa, ở xa mà nghe như bên cạnh Phật không khác. Mục-liên muốn biết âm thanh Phật vang đến bao xa, bèn dùng thần lực bay qua Hằng hà sa cõi đến phương Tây, vẫn nghe âm thanh Sư tử hống của Phật như bên cạnh không khác. Mục-liên đi mãi không dừng đến khi thân mỗi thần lực hết qua đến một cõi Phật nọ vừa gặp lúc đại chúng đang ăn, liền đáp xuống, men theo miệng bát mà đi kinh hành, nghỉ ngơi. Cả chúng kinh sợ: “Sao bỗng có con sâu đầu người từ đâu lại đây?”, Đức Phật cõi kia nói: Cách đây vô lượng cõi Phật ở phương Đông, có đức Phật hiệu là Thích-ca, có vị đệ tử thân túc đệ nhất chính là vị này, do muốn biết âm thanh của Phật vang xa như thế nào, nên đến đây, chẳng phải sâu đầu người. Kinh Niết-bàn nói: đức Phật tìm thị giả, tâm để nơi A-nan như mặt trời ở phương Đông chiếu qua phương Tây...

Căn cứ Giáo mà luận thần thông: Nương mười bốn loại biến hóa của Tứ thiên, nương theo quán huân tu Thập nhất thiết, nhập Vô lậu sự thiên, năng tạo mười tám thứ biến hóa. Đây tức là thần thông trong Sơ giáo. Dựa vào Không khởi tuệ, dùng tâm Không tuệ tu các thần thông, tức thần thông trong Thông giáo. Theo thứ lớp dựa vào Tam đế, tu tập đắc thần thông, dần dần chuyển nhập sâu, vượt qua nhị thừa, tức thần thông của Biệt giáo. Dựa vào thật tướng chứng đắc thần thông, không dùng hai tướng để thấy các cõi Phật. Từ Chân mà khởi, ứng với bất động chân tế mà trùm khắp mười pháp giới, là thần thông của Viên giáo...

Thuở xa xưa ngài thường trợ giúp Bích-chi-Phật cạo đầu giặt y, may vá cà sa, và phát nguyện đắc thần thông. Bản Tích: Bản: trú nơi chân tế định Thủ-lăng-nghiêm, có thể trong một niệm mà ứng khắp

mười phương, thị hiện nhiều loại để làm Phật sự, do vì từ bi. Tích: làm ngũ vị thần thông để dẫn dắt khiến ứng nhập cùng cực... Quán tâm: Quán nhất tâm bỗng có nhất thiết tâm, quán nhất thiết tâm chợt không có các tâm. Tâm chẳng có-không, thì thông đạt đến thật tướng, tức thần thông quán.

“*Ma-ha Ca-chiên-diên*” Trung hoa dịch là Văn Sức cũng là Kiên Thừa, người gọi nhầm chữ nên nói Phiến Thăng, cũng gọi là Hảo Kiên, cũng gọi Kha-la. “Kha-la”, Trung hoa dịch là Tư Thắng, đều theo họ đặt tên. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ngài khéo phân biệt nghĩa diễn rộng đạo giáo, là đệ nhất. Kinh Trường A-hàm nói: Có ngoại đạo chấp đoạn kiến, cho rằng không có thế giới khác nên có mười lần hỏi đáp: Hỏi: không có thế giới khác?

Đáp: Nay mặt trời mặt trăng ở cõi trời hay cõi người, thế giới này hay thế giới khác? Nếu không có thế giới khác, thì không có mặt trời sáng. Hỏi: Tôi thấy người chết không trở lại, tại sao nói họ thọ khổ, nên biết không có đời khác?

Đáp: Như người mắc tội bị bắt giữ lại, sao có thể trở về được!

Hỏi: Nếu sinh lên cõi trời, thì vì sao không trở lại? Cho nên biết không có đời khác?

Đáp: Như người bị rơi vào hầm xí, khi ra khỏi được thì có trở lại hầm xí nữa không? Lại trên cõi trời một ngày thì ở cõi này phải một trăm năm, Người đó mới sinh lên Trời năm, ba ngày chưa kịp tỉnh tâm quay về, dù họ có trở về thì ông cũng đã chết làm sao biết được?

Hỏi: Tôi bỏ tội nhân trong chảo, đậy nắp kín, nhưng rình hoài không thấy thần hồn bay ra ngoài, nên biết không có đời khác?

Đáp: Như ông ngủ ban ngày, thì người bên cạnh có thấy thần hồn bay ra không?

Hỏi: Tôi lột da róc thịt người chết, tìm thần hồn mà chẳng có nên biết không có đời khác?

Đáp: Như trẻ con chẻ củi vụn nhỏ để tìm lửa đâu thể có được!

Hỏi: Ta cân người chết lại nặng, nếu thần hồn đi thì lẽ ra nhẹ, nếu không có thần hồn đi thì không có đời khác?

Đáp: Như lửa nung sắt hợp lại thì sắt nặng, sắt mất lửa thì sắt nhẹ, con người sống có thần hồn thì nhẹ, người chết mất thần hồn thì nặng.

Hỏi: Tôi thấy người sắp chết trở lại chuyển cầu thần hồn không được, nên biết không có đời khác?

Đáp: Như người trở lại tìm đầy đủ âm thanh của mình, có thể được



ư?

Hỏi: Ông tuy phá bao nhiêu thứ, mà tôi chấp điều này rất lâu không thể bỏ được!

Đáp: Như người thu hoạch cây tầm, ban đầu thấy gai lấy gai, tiếp đó bỏ gai lấy vỏ gai, tiếp theo bỏ vỏ lấy sợi gai, tiếp nữa bỏ sợi gai lấy bố, tiếp theo bỏ bố lấy lụa sống (quyên), tiếp đó bỏ quyên lấy bạc (ngân), tiếp sau bỏ bạc lấy vàng (kim). Bỏ xấu lấy tốt, tại sao không thể bỏ ?

Hỏi: Chẳng những tôi nói như vậy, mà mọi người cũng nói như vậy, tại sao cho rằng tôi sai?

Đáp: Có hai người đi buôn giữa đường gặp quỷ, quỷ hình người và nói đường trước lúa gạo cây cỏ được mùa tốt tươi, các người còn chờ đến làm gì? Một người liền bỏ lại hết. Kết cục người trâu đều đói nên bị quỷ ăn thịt. Một người còn lại nói: “Nếu được lúa cỏ mới, thì có thể bỏ lúa cỏ cũ này” cho nên người ấy không bị quỷ ăn thịt. Các người nói càn, ví như quỷ nói dối. Ông không công nhận lời nói của ta, ví như người đi buôn vứt bỏ lúa cỏ cũ? Nay đã được cái mới, sao không bỏ cái cũ?

Hỏi: Tôi không thể bỏ chấp kiến này, nếu không khuyên bảo Tôi, Tôi sẽ nổi giận ngay!

Đáp: Ông như người nuôi heo, đi đường gặp phân hốt vác trên đầu đem về, giữa đường gặp mưa nước phân chảy làm nhớp đầu, có người đi bên thấy vậy bảo ông đổ đi. Ông lại sân giận người kia và bảo rằng: Bởi vì ông không nuôi heo, nên mới khiến ta bỏ”, tức là lại nổi nóng với người khuyên mình!

Cứ như vậy diễn rộng các nghĩa lần lượt phá chấp, ngoại đạo được hàng phục tán thán rằng: Khi tôn giả nói dụ mặt trăng mặt trời thì tôi đã hiểu, nhưng vì muốn biết trí tuệ biện tài của tôn giả nên mới nhiều phen hỏi. Lành thay! Ngài nói vi diệu vô cùng. Ca-chiên-diên khéo luận về tướng nghĩa cũng lại như vậy. Trong Luật dạy: Ngài luôn khéo giáo hóa mọi người qui y giữ giới, khiến người đồ tể thọ giới ban đêm, người dâm dục thọ giới ban ngày, về sau khi thọ báo bất luận ngày đêm thấy đều được an lạc hiện tiền... Lại có Bà-la-môn Thế Điển nói với năm trăm người dòng họ Thích: Có người nào có thể cùng ta luận nghị không? Năm trăm người dòng họ Thích nói: Có Cù-mật-thích và ở trong nước có một người không có trí tuệ, lời nói vụng về, tên là Châu-lợi-bàn-đặc ở trong hàng xuất gia cũng là hạng thấp kém. Ông có thể cùng hai người này luận nghị, nếu ông thắng thì chúng tôi sẽ đặt danh cho ông. Thế Điển suy nghĩ: “Nếu hơn hai người này thì chẳng hân hạnh gì, lỡ như

không bằng thì rất là nhục nhã”. Về sau khi đi đường gặp Bàn-đặc, ông hỏi: “Tên gì?” Đáp: “Ông nên hỏi nghĩa, chứ cần gì hỏi tên!”. Lại hỏi: Ông cùng ta luận nghĩa không? Đáp: Ta có thể cùng Phạm vương luận nghĩa, huống chi ông là người mù không có mắt”. Lại hỏi: “Mù tức không có mắt, không có mắt tức mù đâu chẳng phiền lập lại”. Châu-lợi biến hóa mười tám phép. Thế Điển liền nói: “Người này chỉ biết bay biến mà không hiểu nghĩa”. Ca-chiên-diên có thiên nhĩ nghe xa, liền làm phép giấu Bàn-đặc, hiện thân như Ngài từ hư không mà xuống, hỏi: “Ông tên hiệu là gì?” Đáp: “Tôi tên Nam trượng phu”. Lại hỏi: “Nam tức trượng phu, trượng phu tức nam, đâu chẳng phiền lập lại?”. Thế Điển đáp: Thôi thôi! Để việc đó lại, nếu luận thì nên luận nghĩa sâu”. Hỏi: Không nương pháp mà đắc Niết-bàn ư? Đáp: Không nương pháp ngũ ấm có thể đắc Niết-bàn. Lại hỏi: Ngũ ấm nương vào đâu mà sinh? Đáp: Nương ái sinh. Hỏi: Làm sao đoạn ái? Đáp: Y bát chánh đạo thì năng đoạn ái. Thế Điển nghe điều này thì viển trần ly cấu. Lệ đều như thế.

Căn cứ giáo luận nghĩa: Nương vô thường, khổ, không vô ngã, để phá các kiến chấp đoạn, thường... đó là sơ giáo luận nghĩa. Căn cứ Không, Vô sở hữu, Bất khả đắc để phá Đoạn, Thường, ái kiến. Đó là Thông giáo luận nghĩa. Thiên nữ nói: Ta vô sở đắc cho nên biện minh như vậy. Nương tứ biện tài của Tổng trì, quán căn cơ chiếu Giả để dùng làm thuốc trị bệnh, phá kiến Đoạn Thường. Đó là Biệt giáo luận tướng nghĩa. Y vào Thực tướng rốt ráo không có, không không mà phá Đoạn, Thường kiến. Đó là Viên giáo luận nghĩa.

Căn cứ Bản tích: Bản, trụ phước đức trí tuệ hai thứ trang nghiêm, năng vấn năng đáp vì thương xót chúng sinh. Tích, là ngũ vị luận nghĩa sư.

Quán tâm: Quán trí nghiên cứu cảnh, cảnh phát sinh nơi trí, trí cảnh qua lại tức quán tâm luận nghĩa.

**“A-nâu-lâu-đa”**: Cũng gọi A-na-luật, cũng gọi A-nê-lư-đậu, đều là âm Phạn. Xa-thiết-nhĩ Trung hoa dịch là Vô bản, cũng dịch là Như ý, cũng gọi là Vô lạp. Xưa gặp thời đói khát ngài đã từng cúng dường một bữa cơm lúa tẻ cho một vị Bích-chi-phật, nên trải qua chín mươi mốt kiếp thân hoạch được quả báo đầy đủ, cho nên gọi là Vô bản. Dòng họ: Sơ kiếp do gió thổi nước lớn kết cấu mà thành thế giới, ở cõi trời Quang-âm khi mạng tận sinh làm loài người, thân có ánh sáng bay mà đi, lấy sự hoan hỷ làm thức ăn, không có nam nữ cao thấp. Chúng cùng sinh ở trong đó gọi là chúng sinh. Lúc đó tự nhiên đất có vị ngon như đề-hồ,

sắc như sinh tô, ngọt như mật, do ăn nhiều nên mất ánh sáng hình dáng tiêu tụy, không thể bay được, người ăn ít còn có ánh sáng thắm nhuần liền có hơn thua tùy theo tướng phải trái, đến khi mất vị đất thì ăn vỏ đất nên dân sinh khinh mạn, mất lớp vỏ đất đến ăn cặn bã của đất chuyển sinh các điều ác, mất cặn bã thì ăn lúa gạo mọc tự nhiên (hoang), ăn lúa gạo thì nam căn nữ căn sinh, hợp làm vợ chồng, do hổ thẹn cho nên làm nhà và chứa trữ nhiều lúa gạo, về sau gạo sinh ra trấu vỏ. Khi cất sạch rồi thì không mọc tiếp gốc cây khô héo hiện ra, rồi lại sinh ra chiếm đoạt trộm cướp lẫn nhau, bèn lập ra một người có thể chia đều, gọi là điền chủ, theo lý tranh tụng, đó gọi là dân chủ. Dân chủ có con tên Trân Bảo. Trân bảo có con tên Hảo Vị. Ban đầu từ dân chủ về sau sáng lập Kim luân nối tiếp cho đến Thiện Tư, từ Ý-ma đến Tịnh-phan bốn đời làm Thiết luân, hợp có tám mươi bốn ngàn hai trăm mười một vị vua. Kinh Thập Nhị Du nói: Từ kiếp lâu xa có vị vua sớm mất cha mẹ đem nước trao lại cho em, tu theo vị Bà-la-môn, Bà-la-môn nói: Ông nên cởi bỏ áo vua theo họ Cù-đàm, nhân đó vua liền theo người ấy hiệu là Tiểu Cù-đàm trú ở vườn mía, bọn đạo tặc trộm vật đi qua vườn, những người tìm bắt tìm theo dấu tích và bắt được Tiểu Cù-đàm. Họ dùng tên bắn làm máu huyết chảy nhớp đất. Đại Cù-đàm thương xót, thâu máu huyết dưới đất đựng đầy bát đem về vườn, rồi đặt hai bên trái phải và trì chú, vị Cù-đàm này nếu thành tâm thì trời thần biến huyết thành người, đến mười tháng sau sinh ra bên phải con trai, bên trái con gái từ đó đặt tên họ là Cù-đàm. “Cù-đàm”, Trung hoa nghĩa là Thuần Thực cũng gọi là Xá Di. Xá Di là dòng họ quý tộc, vào thời đầu Hiền kiếp đức Như Lai xuất thế, thần thức Cù-đàm mới bắt đầu thác sinh. Nếu theo ý này thì Dân chủ từ trước đến nay tức họ Cù-đàm. Từ Ý-ma vương sinh ra bốn người con. 1. Diện Quang. 2. Tượng Thực. 3. Lộ Chỉ. 4. Trang Nghiêm. Bốn người này bị tình nghi bị đui ra khỏi nước, nên đến ở trong rừng cây phía Bắc núi Tuyết Sơn. Mọi người trong nước theo rất đông, về sau nhân chúng đông đảo lớn mạnh. Vua cha khen rằng: “Con ta có khả năng”. Bốn vị nhân đây mà có bá tánh. Lại đất nơi ấy cây Thích-ca rất tốt, Trung hoa dịch là Trục Lâm. Đã ở trong rừng lập quốc, tức lấy rừng làm họ, ngoại quốc gọi Đa-hàm. Thích-ca cũng Trục cũng Năng. Nay Tịnh-phan thuộc dòng dõi Trang Nghiêm Vương, Trang Nghiêm tức là Ô-đầu, Ô-đầu sinh ra Ô-đầu-la, Ô-đầu-la sinh ra Ni-câu-la, Ni-câu-la sinh ra Thi-hư-la, tức Sư Tử Giáp, Sư Tử Giáp sinh ra ba Phạn. Hộc-phạn sinh hai con, trưởng là Ma-ha-nam, tiếp là A-na-luật là em con chú của Thế Tôn, A-nan là em họ đức Thế Tôn và là chú của La-hầu-la

nhưng chẳng vì vậy mà nhờ cậy, cho nên Chu Công nói rằng: “Ta là con Văn vương, em là Võ vương, chú là Thành vương, ở trong thiên hạ chẳng khinh rẻ người nào, thậm gọi ba nhà ăn ba bữa, lễ hiền thánh còn vậy huống chi những người khác ư!” Kinh Hiền Ngu nói: Thời mạt thế của Phật Phất-Sa, gặp lúc đói khát, có Bích-chi-phật tên Lợi-ra du hành khát thực không được gì cả, có một người nghèo thấy mà thương xót nên bạch rằng: Thưa Thắng Sĩ! Có thọ nhận cỗ bái này không? Vị kia thọ nhận ăn, ăn xong hành mười tám loại biến hóa, người ấy hái cỗ bái tiếp tục cúng dường, lúc ấy có một con thỏ nhảy nhót đến sau lưng bà nghèo biến làm người chết, không có bạn bè đến cứu, người nghèo đến tối mới đem được về nhà đặt trên đất, liền thành người vàng bẻ ngón tay để sử dụng, rồi đến chân, lại hiện không lúc nào hết. Mọi người và vua quan nghe vậy muốn đến chiếm đoạt thì chỉ thấy cây chết, nhưng người kia thấy thì toàn là vàng báu, do đó mà trải qua chín mươi một kiếp quả báo đầy đủ, cho nên hiệu Vô bản. Sinh ở cõi kia rồi từ đó về sau gia nghiệp giàu có dư dật ngày đêm tăng trưởng, cha mẹ muốn thử che các đồ vật trống không sao xem thấy trăm vị đầy đủ, mà ngoài cửa hàng ngày thường có một vạn hai ngàn người. Sáu ngàn người đến xin, sáu ngàn người đến tặng cho. Sau khi ngài xuất gia đến chỗ nào mọi người thấy đều hoan hỷ và muốn mọi người có đủ như nhà mình không khác. A-na-luật tinh tấn bảy ngày bảy đêm không chớp mắt. Phải biết ngủ như là thức ăn của mắt, đã bảy ngày bảy đêm không ngủ, nên mắt nhục nhãn rồi. Đức Phật dạy ngài nên cầu thiên nhãn, buộc niệm duyên nơi tịnh sắc Tứ đại ở nửa đầu mà phát, sau đó ngài đắc thiên nhãn thấu triệt sự ngăn chướng trong ngoài sáng suốt, nơi tối tăm thấy đều thấy rõ, đối trước Phạm vương nói rằng: Tôi thấy Đại thiên thế giới của đức Thích-ca như xem quả trong lòng bàn tay. Kinh Tăng Nhất nói: Trong Phật pháp ta người có thiên nhãn thấy thông suốt nhất là Tỳ-kheo A-na-luật. Khi ngài A-na-luật mù mắt, Đức Phật và các Tỳ-kheo thường vá may y. Hôm ấy Phật ở nước Xá-vệ thành Câu-tất-la, Đức Phật đã cùng tám trăm Tỳ-kheo tụ tập may ba y cho A-na-luật. Đức Phật căng vải ra các Tỳ-kheo cắt may trong một ngày xong. Đức Phật rộng vì thuyết pháp: “Người xuất gia thọ y, mọi việc lớn nhỏ, tiến dừng cũng phải cùng làm đầy đủ”. Nói xong, vô lượng người đắc đạo.

Căn cứ giáo: Nướng thiên định mà phát sinh thiên nhãn là phàm phu ngoại đạo, nướng vô lậu sự thiên mà phát sinh thiên nhãn, là nghĩa Tam tạng. Nướng thể pháp vô lậu tuệ phát sinh các hạnh, nướng các hạnh phát sinh thiên nhãn là ý Thông giáo. Nướng tán thiện mà phát

sinh nhục nhãn, nương định mà phát sinh thiên nhãn, nương chân đế mà phát sinh tuệ nhãn, nương tục đế mà phát sinh pháp nhãn, nương Trung Đạo đế mà phát sinh Phật nhãn, là ý của Biệt giáo. Nương thật tướng mà phát sinh thiên nhãn, thiên nhãn tức Phật nhãn, là ý của Viên giáo. Lại, nương tán thiện tu nhục nhãn, nương định tu thiên nhãn, là ý của Tam tạng. Nương Không mà tu nhục nhãn, thiên nhãn là ý của Thông giáo. Theo thứ tự mà tu ngũ nhãn là ý của Biệt giáo. Không theo thứ tự mà tu ngũ nhãn là ý của Viên giáo.

Bản tích: Bản trụ nơi thật tướng chân thiên nhãn, không dùng hai tướng thấy các cõi Phật. Tích: nêu bày nửa đầu thiên nhãn. Quán tâm: Quán nhân duyên sinh thiện tâm, tức nhục nhãn. Quán nhân duyên sinh tâm Không, tức thiên nhãn. Quán nhân duyên sinh tâm Giả tức pháp nhãn. Quán nhân duyên sinh tâm Trung, tức Phật nhãn...

“*Kiếp-tân-na*”, Trung hoa dịch là Phòng Túc, do cha mẹ cầu đảo ngôi sao Phòng này mà sinh con, nên lấy tên ngôi sao để đặt tên con. Vị Tỳ-kheo ấy khi mới xuất gia muốn đến ra mắt Phật vì chưa được thấy Phật nhưng đi đường lại bị mưa, ghé ngủ nhờ nhà người thợ gốm, lấy cỏ làm tòa nằm nghỉ. Lúc sau chập tối có một vị Tỳ-kheo cũng đến xin tá túc, Ngài liền nhường tòa cỏ mà nằm đất. Giữa đêm, vị Tỳ-kheo kia hỏi: Ngài định đi đâu? Đáp: “Muốn gặp Phật”. Tỳ-kheo kia liền vì ngài mà thuyết pháp, ngài bỗng nhiên đắc đạo. Vị Tỳ-kheo đến sau kia chính là Phật. Cùng ở chung phòng với đức Phật, được thấy pháp thân, từ chỗ được nghe pháp đắc đạo đó mà đặt tên, gọi là Kiếp-tân-na. Tỳ-sa-môn cầm đèn đi sau Kiếp-tân-na. Tỳ-sa-môn là chủ các vì sao, nên các vì sao cũng đều theo sau. Ngài khéo biết xem thiên văn, biết rõ biểu tượng trời đất. Theo đó mà gọi là Kiếp-tân-na. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ở trong Phật pháp ta, người giỏi xem Thiên văn đệ nhất là Tỳ-kheo Kiếp-tân-na.

Căn cứ giáo: Đã phá cái nhà căn trần, cùng nghỉ chung phòng Chân đế với Phật, là nghĩa theo Tam tạng giáo. Thế đạt căn trần, tức cùng Như Lai đồng ngủ chung phòng Chân đế, là ý Thông giáo. Phân biệt phòng nhà căn trần trong mười pháp giới, thấy đều thấy Phật, là ý Biệt giáo. Ở nơi một phòng nhà căn trần, liền thấy hết thấy phòng nhà, thấy hết thấy Đức Phật, tức ý Viên giáo.

Căn cứ Bản Tích: Bản: đã cùng Như Lai đồng nghỉ chung một lầu Thật tướng. Tích: nêu bày sự việc như trên.

Quán tâm: Quán nhà ngũ ấm chiết Không tức Không, cùng hóa Phật đồng phòng ngủ chung. Quán nhà ngũ ấm tức Giả, cùng báo thân

Phật đồng ngủ chung. Quán nhà ngủ ấm tức Trung đạo, cùng pháp thân  
Phật đồng ngủ chung...

